TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN LẠC** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày:09/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC_ TỈNH HOÀ BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1.Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: ông **Bùi Đình Dũng**
2. Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông **Bùi Văn Trọng**, Bí thư Đoàn xã Mỹ Hoà, huyện Tân Lạc
- Bà **Bùi Thị Liên:** Cán bộ hưu trí huyện Tân Lạc.
3. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà **Tăng Thị Hồng**.
4.Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên Tòa: Bà **Bùi Thị Nhạn**- Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình: Mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2024/HSST ngày 23/6/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXX-HSST ngày 26/6/2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN VĂN D, Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1996 tại: thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Giới tính: Nam; ĐKNKTT và cư trú: Tổ X, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; Số căn cước công dân: 017096003898; Cấp ngày 25 tháng 6 năm 2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ Công an. Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; Con bà: Nguyễn Thị A, sinh năm 1961; Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ hai ; Có vợ: Bùi Thị Phương A, sinh năm 2000 và có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2023 đến ngày 06/02/2024, được thay thế biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang bảo lĩnh. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú. Được triệu tập, có mặt tại phiên toà.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1974.

Trú tại: Xóm Q, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm T, xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình. (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*)

3. Ông **Nguyễn Văn T** , sinh năm 1964;

Trú tại: Tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2023, Nguyễn Văn D đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng đối với các cá nhân có nhu cầu vay tiền để chi tiêu hoặc giải quyết công việc riêng. Khi vay tiền, Nguyễn Văn D trao đổi qua lời nói với người vay và thống nhất, thỏa thuận 10 ngày trả tiền lãi một lần thông qua chuyển khoản theo tài khoản ngân hàng, mức lãi suất 5000đ/1.000.000/1 ngày. Người vay trả tiền lãi và gốc bằng cách chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Agribank số tài khoản 3007205057641 của D. Với phương thức, thủ đoạn như trên trong khoảng thời gian từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2023, thông qua các giao dịch dân sự, bị cáo Nguyễn Văn D đã cho chị Bùi Thị T và chị Đỗ Thị T vay tổng cộng số tiền là 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), mức lãi suất thấp nhất là 149,32%/năm, mức lãi suất cao nhất là 348,41%/năm nhằm mục đích thu lợi bất chính số tiền là 154.049.315đ (*một trăm năm mươi bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm mười năm đồn*g). Cụ thể như sau:

1. Chị Bùi Thị T: Vay 04 lần

Lần thứ nhất: Ngày 29/6/2022, chị T gặp Nguyễn Văn D tại xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình để hỏi vay số tiền là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày, 10 ngày trả tiền lãi suất một lần. Chị T vay số tiền trên 30 ngày từ ngày 29/6/2022 đến ngày 29/7/2022, trong thời gian vay chị T trả lãi số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tương đương lãi suất 243,33%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 243,33% : 20% = 12,17 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 10.000.000đ x 20%/365 x 30 ngày = 164.384đ (*một trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi tư đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 2.000.000đ - 164.384đ = 1.835.616đ (*một triệu tám trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*).

Lần thứ hai: Ngày 29/7/2022, chị T gặp Nguyễn Văn D tiếp tục vay thêm số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), cộng gộp với lần vay thứ nhất thành khoản vay 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Chị T vay số tiền này trong thời gian 178 ngày, từ ngày 29/7/2022 đến ngày 27/01/2023, trong thời gian vay chị T trả lãi số tiền 24.500.000đ (*hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tương đương lãi suất 167,46%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 167,46% : 20% = 8,37 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 30.000.000đ x 20%/365 x 178 ngày = 2.926.027đ (*hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 24.500.000đ - 2.926.027đ = 21.573.973đ (*hai mươi mốt triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Ngày 27/01/2023, chị T chuyển cho Nguyễn Văn D số tiền 23.000.000đ (*hai mươi ba triệu đồng*), trong đó tiền gốc 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) và tiền lãi 3.000.000đ (*ba triệu đồng*). Do đó, lúc này chị T còn vay D số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên trong thời gian 67 ngày, từ ngày 27/01/203 đến ngày 04/4/2023, trong thời gian vay chị T trả lãi cho D số tiền 3.500.000đ (*ba triệu năm trăm nghìn đồng*) tương đương lãi suất 190,67%/năm. Mức lãi suất nêu trên

vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 190,67% : 20% = 9,53 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 10.000.000đ x 20%/365 x 67 ngày = 367.123đ (*ba trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi ba đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 3.500.000đ - 367.123đ = 3.132.877đ (*ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng*).

Lần thứ ba: Ngày 04/4/2023, chị T vay D thêm số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), cộng gộp với số tiền gốc lần vay trước thành tổng số tiền là 15.000.000đ (*mười năm triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên từ ngày 04/4/2023 đến ngày 14/4/2023, thời gian vay 10 ngày, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho D số tiền 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) tương đương lãi suất 182,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 182,50% : 20% = 9,13 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 15.000.000đ x 20%/365 x 10 ngày = 82.192đ (*tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 750.000đ - 82.192đ = 667.808đ (*sáu trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm linh tám đồng)*.

Ngày 14/4/2023, Chị T trả D tiền gốc số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) nên lúc này chị T còn vay D số tiền là 10.000.000đ (*mười triệu đồng*).

Lần thứ tư: Ngày 22/4/2023, chị T vay D thêm số tiền 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), cộng với số tiền gốc lần vay trước thành tổng số tiền vay là 15.000.000đ (*mười năm triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên từ ngày 22/4/2023 đến ngày 23/5/2023, thời gian vay 31 ngày, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho D số tiền 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tương đương lãi suất 156,99%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 156,99% : 20% = 7,85 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 15.000.000đ x 20%/365 x 31 ngày = 254.795đ (*hai trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 2.000.000đ - 254.795đ = 1.745.205đ (*một triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm linh năm đồng*). Ngày 23/5/2023, chị T trả D số tiền 6.250.000đ (*sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*), trong đó gồm 6.000.000đ (*sáu triệu*) tiền gốc và 250.000đ (*hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi. Hiện nay chị T nợ D số tiền 9.000.000đ (*chín triệu đồng*), sau khi trả lãi ngày 23/5/2023 đến nay chị T chưa trả tiền lãi và tiền gốc cho Nguyễn Văn D.

2. Chị Đỗ Thị T: Vay 07 lần

Lần thứ nhất: Ngày 25/02/2021, chị Đỗ Thị T gặp Nguyễn Văn D tại xã Ng, huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình để hỏi vay số tiền là 50.000.000đ (*năm mươi triệu*) với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày, 10 ngày trả tiền lãi suất một lần. Chị T vay số tiền trên trong thời gian 290 ngày, từ ngày 25/02/2021 đến ngày 15/12/2021, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho số tiền vay trên là 75.000.000đ (*bảy mươi năm triệu*) tương đương lãi suất 188,79%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 188,79% : 20% = 9,44 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 50.000.000đ x 20%/365 x 290 ngày = 7.945.205đ (*bảy triệu chín trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm linh năm đồng*). Như vậy, số tiền mà

Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 75.000.000đ - 7.945.205đ = 67.054.795đ (*sáu mươi bảy triệu không trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng*).

Lần thứ hai: Ngày 15/12/2021, chị T vay thêm Nguyễn Văn D số tiền 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*), cộng với khoản vay trước thành khoản vay 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên trong thời gian 92 ngày, từ ngày 15/12/2021 đến ngày 17/3/2022, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho số tiền 70.000.000đ (*bảy mươi triệu đồng*) là 31.800.000đ (*ba mốt triệu tám trăm nghìn đồng*) tương đương lãi suất 180,23%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 180,23% : 20% = 9,01 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 70.000.000đ x 20%/365 x 92 ngày = 3.528.767đ (*ba triệu năm trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 31.800.000đ - 3.528.767đ = 28.271.233đ (*hai mươi tám triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng*).

Lần thứ ba: Ngày 17/3/2022, chị T tiếp tục vay thêm Nguyễn Văn D số tiền 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*), cộng với khoản vay trước thành khoản vay 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên trong thời gian 47 ngày, từ ngày 17/3/2022 đến ngày 04/5/2022, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho số tiền vay 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) là 22.200.000đ (*hai mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*) tương đương lãi suất 172,40%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 172,40% : 20% = 8,62 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 100.000.000đ x 20%/365 x 47 ngày = 2.575.342đ (*hai triệu năm trăm bảy mươi năm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 22.200.000đ - 2.575.342đ = 19.624.658đ *(mười chín triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng*). Ngày 04/5/2022, chị T chuyển cho D số tiền 102.000.000đ (*một trăm linh hai triệu đồng*) gồm 100.000.000đ (*một trăm triệu đồng*) tiền gốc và 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) tiền lãi nên lúc này chị T không vay D nữa.

Lần thứ tư: Ngày 16/5/2022, chị T vay D số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) trong thời gian 21 ngày, từ ngày 16/5/2022 đến ngày 07/6/2022, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho D số tiền vay trên là 1.500.000đ (*một triệu năm trăm nghìn đồng*) tương đương lãi suất 260,71%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 260,71% : 20% = 13,04 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 - Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 10.000.000đ x 20%/365 x 21 ngày = 115.068đ (*một trăm mười năm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 1.500.000đ - 115.068đ = 1.384.932đ (*một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi hai đồng*).

Lần thứ năm: Ngày 07/6/2022, chị T vay thêm D số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), cộng với khoản vay trước thành khoản vay 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên trong thời gian 55 ngày, từ ngày 07/6/2022 đến ngày 02/8/2022, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho số tiền vay trên là 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tương đương lãi suất 149,32%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 149,32% : 20% = 7,47

lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 20.000.000đ x 20%/365 x 55 ngày = 602.740đ (*sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 4.500.000đ - 602.740đ = 3.897.260đ (*ba triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*).

Lần thứ sáu: Ngày 02/8/2022, chị T tiếp tục vay thêm D số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*), cộng dồn với khoản vay trước thành khoản vay 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*). Chị T vay D số tiền trên trong thời gian 20 ngày,từ ngày 02/8/2022 đến ngày 22/8/2022, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi số tiền là 4.200.000đ (*bốn triệu hai trăm nghìn đồng)* tương đương lãi suất 255,50%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 255,50% : 20% = 12,78 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là: 30.000.000đ x 20%/365 x 20 ngày = 328.767đ (*ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 4.200.000đ - 328.767đ = 3.871.233đ (*ba triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi ba đồng*). Ngày 22/8/2022, chị T chuyển trả cho D số tiền gốc là 30.000.000đ (*ba mươi triệu đồng*) nên lúc này chị T không vay D nữa.

Lần thứ bảy: Ngày 03/02/2023, chị T vay D số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) trong thời gian 11 ngày, từ ngày 03/02/2023 đến ngày 14/02/2023, trong thời gian vay chị T trả tiền lãi cho số tiền trên là 1.050.000đ (*một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tương đương lãi suất 348,41%/năm. Mức lãi suất nêu trên vượt quá mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự quy định là: 348,41% : 20% = 17,42 lần. Số tiền lãi hợp pháp mà Nguyễn Văn D được hưởng tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là: 10.000.000đ x 20%/365 x 11 ngày = 60.274đ (*sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi bốn đồng*). Như vậy, số tiền mà Nguyễn Văn D thu lợi bất chính là: 1.050.000đ - 60.274đ = 989.726đ (*chín trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*).

Ngày 14/02/2023**,** chị T chuyển cho D số tiền 10.050.000đ (*mười triệu không trăm năm mươi nghìn đồng)* gồm 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) tiền gốc và 50.000đ (*năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi nên lúc này chị T không vay nợ D nữa.

Vì chưa trả được số tiền nợ còn lại cho Nguyễn Văn D nên chị T bị D nhiều lần gọi điện, nhắn tin đòi nợ. Do đó, ngày 06/12/2023, chị T đã làm đơn trình báo tới Cơ quan Công an huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Biết chị T tố cáo và nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật nên chiều ngày 06/12/2023, Nguyễn Văn D đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội

Tại Cáo trạng số 05/CT-VKS, ngày 22/02/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình truy tố **Nguyễn Văn D** *về tội "****Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự****", theo khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự.*

Tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Văn D thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố; bị cáo nhận tội, không kêu oan đồng thời xin được giảm nhẹ mức hình phạt. Điều đó phù hợp với các tài liệu, chứng cứ phản ánh trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh. Về tình tiết tăng nặng: Không có; Về tình tiết giảm nhẹ: Đề nghị áp dụng các tình tiết

như: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và áp dụng thêm tình tiết: Bị cáo đầu thú và là người dân tộc có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, gia đình có bố mẹ già yếu, có vợ không có công ăn việc làm không có thu nhập, 02 con còn quá nhỏ; Bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải nuôi cả nhà nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn D từ 14 đến 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và có thời gian thử thách tương ứng. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người liên quan cũng chấp nhận thoả thuận bồi thường xong không ai yêu cầu gì thêm. Về biện pháp tư pháp: Truy thu từ bị cáo 198.950.685đ xung ngân sách; Bị cáo cũng đã chuẩn bị khoản tiền truy thu từ mức lãi cao của ngân hàng nên bị cáo xin được nộp phần số tiền phải truy thu vào Chi cục THA Dân sự để thể hiện sự ăn năn, hối cải. Về vật chứng: Tịch thu phát mại xung công chiếc điện thoại; Trả cho ông T 85 triệu; Trả cho D các giấy tờ không liên quan và chiếc xe ô tô; Về hình phạt bổ sung: Viện cho rằng: Theo quy định đối với loại tội này phải áp dụng hình phạt bổ sung nên đề nghị áp dụng với mức thấp nhất là 30.000.000đ mới có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Những người liên quan là chị T1 và chị T2 đề nghị Tòa xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo để lượng hình và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Riêng về phần dân sự đã thoả thuận xong và không có yêu cầu gì. Ông T ngoài việc xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo còn đề nghị Toà trả lại số tiền 85.000.000đ của ông gửi nhờ két của D, bởi đây là tiền ông bán đất mà có.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra; kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã áp dụng quy định của pháp luật Tố tụng Hình sự, pháp luật Hình sự để giải quyết vụ việc. Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không có khiếu nại, tố cáo hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên.

[2] *Về căn cứ xác định tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo:*

Nguyễn Văn D là người có đủ tuổi và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2023, Nguyễn Văn D thông qua 11 giao dịch dân sự đã cho chị Bùi Thị T1 và Đỗ Thị T2 vay tổng số tiền 180.000.000đ (*một trăm tám mươi triệu đồng*) qua tài khoản ngân hàng, mức lãi suất thấp nhất là 149,32%/năm (vượt quá 7,47 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân sự 2015 quy định); lãi suất cao nhất là 348,41%/năm (vượt quá 17,42 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật Dân

sự 2015 quy định) với mục đích thu lợi bất chính. Tổng số tiền thu lợi bất chính Nguyễn Văn D đã thu được là 154.049.315 đồng. Số tiền trên, Dư đã ăn tiêu hết.

Hành vi của Nguyễn Văn D đã cấu thành tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 2 điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đúng như các vật chứng và tài liệu khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn D đã phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo theo tội danh, điều khoản pháp luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, năng lực chịu trách nhiệm hình sự của bị cáo:* Nguyễn Văn D có năng lực chịu trách nhiệm hình sự nhưng vì không chịu khó làm ăn, muốn hưởng thành quả lao động của người khác, hưởng lợi bất chính mà không phải bỏ sức lao động ra trao đổi; bị cáo đã dùng thủ đoạn cho chị Bùi Thị T1 và Đỗ Thị T2 vay với lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 149,32% và cao nhất là 348,41% cao vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước thấp nhất là 7,47 lần và cao nhất là 17,42 lần nhằm thu lời bất chính 154.049.315đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; Bị cáo không có đăng ký kinh doanh tín dụng lại ngang nhiên cho vay lãi nặng; Hành vi của bị cáo thể hiện tính manh động, coi thường kỷ cương, pháp luật, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực đặc quyền kinh doanh tiền tệ là khách thể được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân; Bởi vậy: Với Nguyễn Văn D Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng hình phạt nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo Dư trở thành công dân tốt và răn đe và phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:* Nguyễn Văn D thực hiện hành vi cố ý một cách đơn giản. Tuy nhiên, khi lượng hình, Tòa cũng xét: Về tình tiết tăng nặng: Không có; Về tình tiết giảm nhẹ Bị cáo có các tình tiết như: "*Phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" và "*Thật thà khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải*". Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51BLHS. Ngoài ra D còn được xem xét thêm tình tiết: Khi hành vi bị phát hiện bị cáo đã ra "*Đầu thú*" và khai báo cũng như giúp cơ quan điều tra rút ngắn thời gian xử lý; Bị cáo cũng đã đến gặp Bùi Thị T1 và Đỗ Thị T2 là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và thoả thuận với họ về toàn bộ trách nhiệm dân sự, giữa các bên đã thống nhất giải quyết xong. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, Bị cáo có chỗ ở ổn định, nhân thân tốt; là lao động chính trong gia đình có vợ không có công ăn việc làm, 02 con còn nhỏ, trong đó con nhỏ nhất chưa đủ 36 tháng tuổi;bố mẹ già yếu ốm đau bệnh tật nên áp dụng thêm khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình và thấy chưa cần cách ly ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để giúp bị cáo cải tạo thành người tốt.

[5] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình điều tra và trước phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự nguyện thoả thuận về trách nhiệm dân sự nay

không có yêu cầu gì. Theo hướng dẫn tại công văn số 233/TANDTC-PC ngày 01/10/2019 về trao đổi nghiệp vụ, Toà ghi nhận mà không xét;

[6] *Về các biện pháp tư pháp:* Số tiền gốc bị cáo đã bỏ ra cho những người liên quan vay là 180.000.000đ và số tiền thu lời theo xác định của Ngân hàng là số tiền thu lãi cao nhất so với quy định là 18.950.685đ, Đây là phương tiện phạm tội và tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu xung công quỹ nhà nước. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo hứa sẽ nộp ngay số tiền 18.950.685đ là tiền phát sinh từ tội phạm để lấy thêm tình tiết giảm nhẹ để khắc phục bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Đây là sự tự nguyện của đương sự, cần ghi nhận và được coi là tình tiết giảm nhẹ hình phạt thêm cho bị cáo quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[7] *Về Vật chứng của vụ án:* 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số MEID: 35391310490702 số IMEI: 353913104907024, số IMEI 2: 353913104766586, lắp sim số 0335669128; Đây là vật D dùng để trao đổi, liên lạc và cài đặt các phần mềm Ngân hàng để chuyển tiền cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là Phương tiện phạm tội, cần tịch thu phát mại xung công quỹ nhà nước.

Đối với 170 tờ tiền mệnh giá 500.000đ = 85.000.000đ, tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành chưa qua kiểm định thật giả, được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tại các mép dán. Quá trình điều tra xác định là của ông Nguyễn Văn T bán đất và gửi nhờ két của D, không liên quan đến vụ án nên trả lại ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Đối với 01 (một) giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 673929 cấp ngày 31/7/2023 mang tên Nguyễn Văn D. 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 25G.002982, đăng ký cấp đổi lần gần nhất ngày 03/10/2017 do UBND huyện Tân Lạc cấp. 01 (Một) bản sao Hợp đồng thuê nhà giữa Trần Văn K và Nguyễn Văn D ngày 12/7/2016 tại địa điểm: xóm D, Ng, Tân Lạc, Hòa Bình. 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa Bùi Khánh T, Bùi Thị H và Nguyễn Văn D được công chứng ngày 06/7/2023; 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning, màu trắng, biển kiểm soát 28X-xxx.xx. Đây là những tài sản đồ vật không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả cho chủ sở hữu là có cơ sở.

[8] *Về hình phạt bổ sung:* Dù: Vì hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập lại phải nuôi bố mẹ già yếu ốm đau, vợ không nghề nghiệp không thu nhập và 02 con còn nhỏ dại, bố mẹ ốm yếu…. Tuy nhiên theo quy định tại điểm 3 Điều 3 Nghị quyết 01 ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao thì "*Trường hợp hình phạt chính được áp dụng không phải là hình phạt tiền thì phải xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt bổ sung là hình phạt tiền*". Bởi vậy, cần áp dụng hình phạt phụ theo khoản 3 điều 201 với mức phù hợp mới đảm bảo tính răn đe chung.

[9] *Về án phí:* Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; khoản 1 điều 46, khoản 1, khoản 2 điều 47; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 của BLHS năm 2015. Điểm a,b khoản 2; điểm a khoản 3 điều 106, khoản 2 điều 136 BLTTHS

[1].Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

[2]. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 16(*Mười sáu*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 (*Ba mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao Nguyễn Văn D cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của BLHS; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 của Bộ luật dân sự; Công nhận Nguyễn Văn D tự nguyện bồi thường cho chị Bùi Thị T1 và chị Đỗ Thị T2 xong.

[4] *Về các biện pháp tư pháp:* Truy thu từ Nguyễn Văn D 198.950.6850đ (*Một trăm chín mươi tám triệu chín trăm năm mươi ngàn sáu trăm tám mươi năm đồng*) xung công quỹ nhà nước. Ghi nhận Nguyễn Văn D đã nộp 18.951.000đ (*Mười tám triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn đồng*), theo biên lai số: 0000507 ngày 18/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, còn phải truy thu tiếp 180.000.000đ *(Một trăm tám mươi triệu đồng)*.

[5] *Về Vật chứng của vụ án:* Tịch thu phát mại xung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max, màu xanh, số MEID: 35391310490702 số IMEI: 353913104907024, số IMEI 2: 353913104766586, lắp sim số 0335669128; được niêm phong trong một phong bì dán kín, tại các mép dán có dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Lạc và có các chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong; Tại mặt trước gói niêm phong có ghi "*Điện thoại di động IPhone Pro Max của Nguyễn Văn D*" và được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 10 ngày 04/3/2024 tại Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

Tuyên trả ông Nguyễn Văn T 170 tờ tiền mệnh giá 500.000đ, tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành chưa qua kiểm định thật giả, được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và dấu tròn đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình tại các mép dán. Tại mặt trước gói niêm phong có ghi "*Tiền thu giữ khám xét nhà ở của Nguyễn Văn D tại tổ x , phường T, số tiền 85.000.000đ*" và được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 10 ngày 04/3/2024 tại Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

Tuyên trả Nguyễn Văn D 01 (một) giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 673929 cấp ngày 31/7/2023 mang tên Nguyễn Văn D. 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 25G.002982, đăng ký cấp đổi lần gần nhất ngày 03/10/2017 do UBND huyện Tân Lạc cấp. 01 (Một) bản sao Hợp đồng thuê nhà giữa Trần Văn K và Nguyễn Văn D ngày 12/7/2016 tại địa điểm: xóm D - Ng - Tân Lạc - Hòa Bình. 01 (một) Hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa Bùi Khánh T, Bùi Thị H và Nguyễn Văn D được công chứng ngày 06/7/2023. 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA Morning, màu trắng, biển kiểm soát 28x-xxx.xx. Toàn bộ vật chứng này và được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng số 10 ngày 04/3/2024 tại Chi cục THA dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hoà Bình.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Phạt Nguyễn Văn D 30.000.000đ "*Ba mươi triệu đồng*" sung Ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Văn D phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm

[8]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của BLTTHS: Bị cáo, được quyền kháng cáo phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- Chi Cục THADS huyện Tân Lạc;
- Công an huyện Tân Lạc;(Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Hòa Bình)
- Bị cáo,
- Bị hại.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- CA, UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Lưu HSVA + HSTHAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Đình Dũng